

BẢN THUYẾT MINH CÁC NỘI DUNG CỦA THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 21/2021/TT- BLĐTBXH

ĐIỀU KHOẢN SỬA	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA
Điều 3	3. Tài liệu chứng minh được cơ quan chức năng nước tiếp nhận lao động cho phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với bên nước ngoài lần đầu hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam là giấy tờ sau: a) Trường hợp bên nước ngoài là người sử dụng lao động ở nước ngoài, tài liệu chứng minh bao gồm: a1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt; a2) Đối với nước có quy định về điều kiện tiếp nhận lao động nước ngoài thì cung cấp 01 bản sao tài liệu thể hiện người sử dụng lao động đáp ứng quy định này, kèm bản dịch tiếng Việt b) Trường hợp bên nước ngoài là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm: b1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt. b2) 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản đề nghị chuẩn bị nguồn hoặc tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;	3. Tài liệu chứng minh được cơ quan chức năng nước tiếp nhận lao động cho phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với bên nước ngoài lần đầu hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam là giấy tờ sau: a) Trường hợp bên nước ngoài là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm: a1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt; a2) Đối với nước có quy định về điều kiện tiếp nhận lao động nước ngoài thì cung cấp 01 bản sao tài liệu thể hiện người sử dụng lao động đáp ứng quy định này, kèm bản dịch tiếng Việt. b) Trường hợp bên nước ngoài là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm: b1) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt; b2) 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản đề nghị chuẩn bị nguồn hoặc tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;	Bỏ bớt thành phần hồ sơ để đơn giản hóa thủ tục chuẩn bị nguồn lao động

	b3) Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại điểm a khoản này.	b3) Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại điểm a khoản này.”	
Điều 5	Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động 1. Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Đài Loan (Trung Quốc). 2. Đối với thị trường các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật thị trường Hàn Quốc, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm: a) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt; b) 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận	Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động 1. Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Đài Loan (Trung Quốc). 2. Đối với thị trường Nhật Bản, Chương trình thuyền viên tàu cá gần bờ của thị trường Hàn Quốc: a) Trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt; b) Trường hợp bên tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt. Đối với thị trường các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương và lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật	Đề xuất gộp khoản 2 và khoản 3 của quy định cũ, bỏ nội dung “hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu/điều kiện tuyển dụng lao động nước ngoài” để giảm bớt thành phần hồ sơ và đơn giản hóa TTHC; bổ sung khoản 2 mới đối với thị trường Nhật Bản và Chương trình thuyền viên tàu cá gần bờ của thị trường Hàn Quốc nhằm giảm bớt 2 loại giấy tờ chứng minh là Đăng ký kinh doanh của chủ sử dụng và Thư yêu cầu hoặc Ủy quyền của chủ sử dụng trong trường hợp Hợp đồng cung ứng ký với Tổ chức dịch vụ việc làm. Lý do: Đối với Thị trường Nhật Bản: các Tổ chức dịch vụ việc làm (DVVL) đều được sở tại cấp

người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu/điều kiện tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt. 3. Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt. Trường hợp nước tiếp nhận không có quy định giấy tờ nêu trên: 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương của người sử dụng lao động, hoặc giấy tờ khác của cơ quan chức năng hoặc tổ chức nghề nghiệp liên quan (đối với hộ kinh doanh cá thể) thể hiện người sử dụng lao động có lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài; đồng thời phù hợp với danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động	thị trường Hàn Quốc, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm: a) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt; b) 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu/điều kiện tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt. 3. Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt. Trường hợp nước tiếp nhận không có quy định giấy tờ nêu trên: 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương của người sử dụng lao động, hoặc giấy tờ khác của cơ quan chức năng hoặc tổ chức nghề nghiệp liên quan (đối với hộ kinh doanh cá thể) thể hiện người sử dụng lao động có lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài; đồng thời phù hợp với danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước	phép và quản lý chặt chẽ, các tổ chức này tham gia khá sâu vào quá trình hỗ trợ người sử dụng lao động tuyển chọn lao động từ nước ngoài và quản lý người lao động trong quá trình thực hiện hợp đồng, có mối liên hệ chặt chẽ với chủ sử dụng lao động và ràng buộc pháp lý rõ ràng theo pháp luật sở tại. Bên cạnh đó, Nhật Bản có những quy định rõ ràng về việc tiếp nhận lao động nước ngoài, ta đã đưa lao động sang thị trường này nhiều năm và quá trình này cho thấy sự ổn định cao, không có những phát sinh lừa đảo về tư cách tiếp nhận của chủ sử dụng hoặc tổ chức dịch vụ việc làm. Đối với Chương trình Thuyền viên tàu cá gần bờ Hàn Quốc do Hiệp hội thủy sản Hàn Quốc (HHTS) chủ quản, chỉ định Tổ chức dịch vụ việc làm (là Đại lý quản lý thuyền viên) được phép thực hiện (trên cơ sở HĐ ký với Đại lý quản lý thuyền viên HQ và DN dịch vụ VN). Danh sách các Đại lý và DN dịch vụ VN được phép thực hiện Chương trình này đã HHTS cung cấp cho ta (cập nhật khi có điều
--	---	---

	nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt. 4. Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm: a) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt; b) 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt; c) Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.	ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định, kèm bản dịch tiếng Việt. 4. Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm: a) 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt; b) 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt; c) Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.	chính, bổ sung) nên về Tư cách pháp nhân của Đại lý HQ ta không cần phải kiểm tra nữa. Như vậy, đây cũng là các tổ chức DVVL có sự quản lý và thông tin rõ ràng, có mối quan hệ chặt chẽ với chủ sử dụng. Do vậy, việc cắt giảm giấy tờ này sẽ tạo sự chủ động cho Doanh nghiệp VN khi tiếp nhận thông tin từ đối tác (là các tổ chức DVVL) có thể kịp thời đăng ký Hợp đồng cung ứng để triển khai sớm việc tuyển lao động, Doanh nghiệp Việt Nam khi đăng ký hợp đồng cung ứng sẽ tự chịu trách nhiệm với các thông tin kê khai về CSD và các điều kiện tuyển của CSD.
Phụ lục I	Mẫu số 1, mẫu số 4 và mẫu số 5	Mẫu số 1, mẫu số 4 và mẫu số 5	Sửa lại nơi nhận văn bản cho phù hợp với quy định về phân cấp, phân quyền phù hợp với Quyết định số 640/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước

			thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ
Phụ lục I	Mẫu số 3	Mẫu số 3	Diễn đạt lại nội dung để phù hợp với các hình thức người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Phụ lục II	Mục I. 2: - Trong thời gian đào tạo tập trung tại Nhật Bản, TTS được bố trí chỗ ở miễn phí; được trợ cấp tối thiểu 50.000 Yên/tháng hoặc 30.000 Yên/tháng đối với trường hợp được cung cấp miễn phí các bữa ăn. - Trong thời gian thực tập kỹ năng, TTS được bố trí chỗ ở phù hợp; trường hợp TTS phải trả tiền ở thì mức phải trả hàng tháng không quá 15 % tiền lương cơ bản. - Bên nước ngoài tiếp nhận lao động bố trí miễn phí phương tiện đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại hoặc chi trả chi phí này cho TTS.	Mục I. 2: - Trong thời gian đào tạo tập trung tại Nhật Bản, TTS được bố trí chỗ ở miễn phí; được trợ cấp tối thiểu 50.000 Yên/tháng hoặc 30.000 Yên/tháng đối với trường hợp được cung cấp miễn phí các bữa ăn. - Trong thời gian thực tập kỹ năng, TTS được bố trí chỗ ở phù hợp; trường hợp TTS phải trả tiền ở thì mức phải trả hàng tháng không quá 15 10% tiền lương cơ bản. - Bên nước ngoài tiếp nhận lao động bố trí miễn phí phương tiện đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại hoặc chi trả chi phí này cho TTS.	Sửa lại để phù hợp với mức chi trả thực tế của người lao động tại Nhật Bản.
	Mục I.3 - Tiền dịch vụ được bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả là phí quản lý mà bên nước ngoài tiếp nhận TTS trả cho doanh nghiệp dịch vụ. - Bên nước ngoài tiếp nhận TTS trả cho doanh nghiệp dịch vụ tối thiểu 10.000 Yên/người/tháng đối với TTS nghề hộ lý và tối thiểu 5.000	Mục I.3 - Tiền dịch vụ được bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả là phí quản lý mà bên nước ngoài tiếp nhận TTS trả cho doanh nghiệp dịch vụ. - Bên nước ngoài tiếp nhận TTS trả cho doanh nghiệp dịch vụ tối thiểu 10.000 Yên/người/tháng đối với TTS	Diễn đạt lại cho rõ nghĩa

	Yên/người/tháng đối với các ngành nghề khác để phối hợp quản lý TTS. - Phương thức: chuyển khoản vào tài khoản doanh nghiệp dịch vụ.	nghe hộ lý và tối thiểu 5.000 Yên/người/tháng đối với các ngành nghề khác để phối hợp quản lý TTS. - Phương thức: chuyển khoản vào tài khoản doanh nghiệp dịch vụ.	
Phụ lục VI.	Nội dung chi tiết hợp đồng cung ứng lao động đối với ngành, nghề, công việc tại thị trường Châu Âu và Châu Đại Dương		
A	CHÂU ÂU		
	Mục 3 - Đối với hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên: Lương cơ bản từ 600 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận lao động quy định mức lương tối thiểu cao hơn 600 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận - Đối với hợp đồng lao động từ 06 tháng đến dưới 01 năm: Lương cơ bản từ 800 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận lao động quy định mức lương tối thiểu cao hơn 800 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Tiền làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận.	Mục 3 - Đối với hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên: Lương cơ bản từ 600 700 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận lao động quy định mức lương tối thiểu cao hơn 600 700 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận - Đối với hợp đồng lao động từ 06 tháng đến dưới 01 năm: Lương cơ bản từ 800 900 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận lao động quy định mức lương tối thiểu cao hơn 800 900 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Tiền làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận.	Sửa tăng tiền lương cơ bản của NLĐ để phù hợp với tình hình thực tế
Phụ lục VII	Nội dung chi tiết hợp đồng cung ứng lao động đối với ngành, nghề, công việc tại thị trường Châu Mỹ		
	Mục 3 - Đối với hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên: Lương cơ bản từ 500 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận quy định mức lương tối thiểu	Mục 3 - Đối với hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên: Lương cơ bản từ 500 600 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận quy định mức lương tối thiểu cao hơn 500 600	Sửa tăng tiền lương cơ bản của NLĐ để phù hợp với tình hình thực tế

	cao hơn 500 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Đối với hợp đồng lao động từ 06 tháng đến dưới 01 năm: Lương cơ bản từ 800 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận quy định mức lương tối thiểu cao hơn 800 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Tiền làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận.	USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Đối với hợp đồng lao động từ 06 tháng đến dưới 01 năm: Lương cơ bản từ 800 900 USD/tháng trở lên; trường hợp nước tiếp nhận quy định mức lương tối thiểu cao hơn 800 900 USD/tháng thì áp dụng theo quy định của nước tiếp nhận. - Tiền làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận.	
Phụ lục VIII	Nội dung chi tiết hợp đồng cung ứng lao động đối với ngành, nghề, công việc tại thị trường Trung Quốc, Ma Cao (Trung Quốc) và Đông Nam Á		
	Mục 5 - Đối với thị trường Trung Quốc và Ma Cao (Trung Quốc): người sử dụng lao động chỉ trả chi phí mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn lao động. - Đối với các nước khu vực Đông Nam Á: người lao động được tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định của nước tiếp nhận. Đối với thị trường Ma-lai-xi-a, người sử dụng lao động chỉ trả chi phí mua các loại bảo hiểm cho người lao động theo quy định của Ma-lai-xi-a.	Mục 5 - Đối với thị trường Trung Quốc và Ma Cao (Trung Quốc): người sử dụng lao động chỉ trả chi phí mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn lao động. - Đối với các nước khu vực Đông Nam Á: người lao động được tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định của nước tiếp nhận. Đối với thị trường Ma-lai-xi-a, người sử dụng lao động chỉ trả chi phí mua các loại bảo hiểm cho người lao động theo quy định của Ma-lai-xi-a. Chi phí tham gia các chế độ bảo hiểm do người sử dụng lao động và người lao động chi trả theo quy định của nước tiếp nhận	Diễn đạt lại cho rõ nghĩa

	Mục 8 Đối với thị trường Ma-lai-xi-a, người sử dụng lao động chỉ trả các khoản chi phí sau: Chi phí xử lý hồ sơ và làm Giấy phép làm việc theo quy định của Ma-lai-xi-a; Tiền khám sức khỏe cho người lao động, tiền thuê tại Ma-lai-xi-a; Tiền khám sức khỏe của người lao động tại Việt Nam và phí sàng lọc an ninh (Người sử dụng lao động hoàn trả các chi phí này cho người lao động cùng với tiền lương tháng đầu tiên của người lao động); Tiền thị thực nhập cảnh một lần.	Mục 8 Đối với thị trường Ma-lai-xi-a, người sử dụng lao động chỉ trả các khoản chi phí sau: Chi phí xử lý hồ sơ và làm Giấy phép làm việc theo quy định của Ma-lai-xi-a; Tiền khám sức khỏe cho người lao động, tiền thuê tại Ma-lai-xi-a; Tiền khám sức khỏe của người lao động tại Việt Nam và phí sàng lọc an ninh (Người sử dụng lao động hoàn trả các chi phí này cho người lao động cùng với tiền lương tháng đầu tiên của người lao động); Tiền thị thực nhập cảnh một lần. - Chi phí xử lý hồ sơ, đặt cọc đảm bảo hợp đồng, Giấy phép việc làm và tiền thuê theo quy định của Ma-lai-xi-a; - Tiền khám sàng lọc sức khỏe của người lao động tại Việt Nam và tiền khám sức khỏe cho người lao động (FOMEMA) tại Ma-lai-xi-a; - Tiền thị thực nhập cảnh một lần.	Sửa lại để phù hợp với quy định hiện hành của Ma-lai-xi-a và Thỏa thuận ký giữa Ma-lai-xi-a và Việt Nam ký tháng 8/2024
Phụ lục IX	Nội dung chi tiết hợp đồng cung ứng lao động đối với ngành, nghề, công việc trên biển quốc tế		
	Mục I.6 Trách nhiệm chi trả chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại Người sử dụng lao động chi trả vé máy bay lượt đi từ Việt Nam tới nơi nhập tàu và lượt về từ nơi xuống tàu về Việt Nam sau khi hoàn thành hợp đồng.	Mục I.6 Trách nhiệm chi trả chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại Người sử dụng lao động Bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả vé máy bay lượt đi từ Việt Nam tới nơi nhập tàu và lượt về từ nơi xuống tàu về Việt Nam sau khi hoàn thành hợp đồng.	Mở rộng đối tượng chi trả tiền vé máy bay cho người lao động phù hợp với tình hình thực tiễn

	Mục II.6 Trách nhiệm chi trả chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí phương tiện cho thuyền viên đi từ Việt Nam tới nơi nhập tàu và hồi hương; thanh toán chi phí hồi hương theo quy định của Công ước MLC 2006.	Mục II.6 Trách nhiệm chi trả chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại Người sử dụng lao động Bên nước ngoài tiếp nhận lao động có trách nhiệm bố trí phương tiện cho thuyền viên đi từ Việt Nam tới nơi nhập tàu và hồi hương; thanh toán chi phí hồi hương theo quy định của Công ước MLC 2006.	
Phụ lục XI	Mức trần tiền dịch vụ thu từ người lao động đối với một số thị trường, ngành, nghề, công việc		
	Mục 1c Lao động kỹ thuật cao, lao động xây dựng đóng tàu theo chế độ hoạt động đặc định	Mục 1c Lao động kỹ thuật cao, lao động xây dựng đóng tàu theo chế độ hoạt động đặc định Lao động đi làm việc theo Chương trình kỹ sư và chuyên gia	Diễn đạt lại cho rõ và sửa lại đối tượng để phù hợp với tình hình thực tế do hiện tại Nhật Bản không còn tiếp nhận lao động xây dựng đóng tàu theo chế độ hoạt động đặc định
Phụ lục XIII	Mẫu đề cương báo cáo định kỳ Mẫu số 2, Mẫu số 4	Mẫu đề cương báo cáo định kỳ Mẫu số 2, Mẫu số 4	Sửa lại nơi nhận văn bản cho phù hợp với quy định về phân cấp, phân quyền phù hợp với Quyết định số 640/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ